

KHẢO CỨU MỘT SỐ CẶP QUAN HỆ TỪ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC CHỮ NÔM THỜI TRUNG ĐẠI

BÙI DUY DƯƠNG*

Abstract: Researching pairs of relational words (empty words) across historical periods plays a crucial role in elucidating the development of Vietnamese grammar and the characteristics of Vietnamese as an isolating language. This paper examines the system of relational words pair in Nôm script literature dating from the 15th to the 17th centuries, building upon previous studies by Vu Duc Nghieu, N.V. Stankevitch, and others. The results reveal the movement, transformation, and replacement of these pairs of relational words throughout the history of the Vietnamese language. Simultaneously, the study affirms that these pairs played a significant role as a set of grammatical devices capable of serving linguistic activities and text construction, particularly in literary texts.

Keywords: the pair of Vietnamese empty words, semantic, grammar, Nom script literature

1. Dẫn nhập

Việc khảo cứu hư từ qua các giai đoạn lịch sử ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu lịch sử ngữ pháp tiếng Việt, đồng thời góp phần bảo tồn, giải mã các văn bản quý thuộc di sản văn hoá dân tộc. Những nghiên cứu này còn cung cấp tài liệu lịch sử có giá trị, làm sáng tỏ các đặc điểm của ngôn ngữ đơn lập như quá trình ngữ pháp hoá, tình thái hoá, khía cạnh tri nhận và sự biến đổi nghĩa trong hệ thống ngữ pháp.

Tại Việt Nam, nhiều nhà Việt ngữ học đã dành tâm huyết nghiên cứu hư từ qua nhiều thời kì lịch sử. Có thể kể đến công trình nghiên cứu về hư từ trong các văn bản thế kỉ XV của Vũ Đức Nghiệu (2006), công trình về hư từ thế kỉ XVI của N.V. Stankevitch (2006), hay nghiên cứu về hư từ gốc Hán thế kỉ XVII của Bùi Duy Dương (2012)... Nghiên cứu các hư từ trong các thời kì lịch sử giúp tìm hiểu lịch sử tiếng Việt về mặt ngữ pháp và làm rõ đặc trưng ngôn ngữ đơn lập của tiếng Việt. Theo quan sát của tác giả Vũ Đức Nghiệu, vào thế kỉ XV, tiếng Việt sử dụng nhiều cặp hư từ để tạo lập cấu trúc ngôn ngữ phức tạp, thể hiện các mối liên hệ phức hợp về ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Từ đó gợi mở cho chúng tôi tiếp tục tìm hiểu các cặp hư từ (quan hệ từ) trong các tác phẩm Nôm Trung đại còn lưu giữ đến nay, nhằm hoàn thiện hơn bức tranh tổng thể về hư từ trong giai đoạn lịch sử ngôn ngữ quan trọng này.

2. Số liệu thống kê

Theo cách tiếp cận phổ biến trong nghiên cứu ngôn ngữ học đương đại, quan hệ từ được xác định là loại hư từ có chức năng diễn đạt các quan hệ logic, đóng vai trò liên kết các đơn vị ngôn ngữ ở nhiều cấp độ khác nhau: từ, cụm từ và câu. Khác với các loại từ khác, quan hệ từ không mang chức năng biểu thị ý nghĩa ngữ pháp của thực từ mà hoạt động như công cụ ngôn ngữ để hiện thực hoá các quan hệ logic trong tư duy của người bản ngữ.

Trong hệ thống quan hệ từ tiếng Việt, một hiện tượng đáng chú ý là sự xuất hiện của các cặp quan hệ từ tương ứng (correlative conjunctions). Đây là những cặp quan hệ từ được sử dụng đồng thời để liên kết các thành tố từ vựng hoặc các mệnh đề trong cấu trúc câu, qua đó thể hiện mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành tố được nối kết.

Các cặp quan hệ từ này biểu thị những quan hệ logic đa dạng trong tư duy con người, bao gồm:

- Quan hệ điều kiện và giả thiết - kết quả: *nếu...thì..., giả...thì...*
- Quan hệ nguyên nhân - kết quả: *vì...nên..., nhờ...mà...*

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: buiduyduongvsl@gmail.com

- Quan hệ tăng tiến: càng...càng..., không chỉ...mà còn...
- Quan hệ tương phản và đối lập: tuy...nhưng..., mặc dù...nhưng...

Nghiên cứu về các cặp quan hệ từ góp phần làm sáng tỏ cơ chế ngôn ngữ hoá tư duy logic trong tiếng Việt. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi chúng ta tìm hiểu chúng trong các văn bản cổ thời trung đại.

2.1. Cặp quan hệ từ trong tác phẩm chữ Nôm thế kỉ XV

Trong kho tàng văn học cổ, các tác phẩm chữ Nôm thế kỉ XV còn được lưu giữ với văn bản đáng tin cậy đến ngày nay bao gồm “Quốc Âm thi tập” (QATT) của Nguyễn Trãi, “Hong Đức Quốc Âm thi tập” (HĐQATT) của Lê Thánh Tông và các văn nhân thời Hồng Đức, “Thập giới cô hồn quốc ngữ văn” của Lê Thánh Tông và “Thệ văn của Hoàng đế” của Lê Lợi. Dựa trên các bản phiên âm của những văn bản quý giá này, chúng tôi tiến hành khảo sát và thống kê các cặp quan hệ từ đã được sử dụng, nhằm phác hoạ bức tranh về hệ thống liên từ trong tiếng Việt thế kỉ XV.

Bảng 1. Các cặp quan hệ từ trong tác phẩm chữ Nôm thế kỉ XV

TT	Cặp hư từ	Hồng Đức Quốc Âm thi tập	Quốc Âm thi Tập	Các nguồn tư liệu khác
1.	bao nhiêu ... bấy nhiêu ...		- Miễn là tiêu sài qua ngày tháng, Lộc được bao nhiêu ăn bấy nhiêu (QA.24)	
2.	bao giờ ... bấy giờ ...	- Mưa tưới bao giờ mát bấy giờ (HĐ.NNCPT.24)		
3.	có chi...mà ...	- Có chi Cô Dịch khuya lay đến, Mà giục Huyền Minh sớm gác yên. (HĐ, 239.6)		
4.	càng...càng	- Càng cao càng sáng trên ngôi ấy, Càng rõ huân danh đáng tướng tinh. (HĐ, 17.7, 17.8)	- Nước càng tuôn đến bể càng cả, Đất một chồng thêm núi một cao. (Tự thuật 122.3)	
5.	chẳng...thì...		- Gìn cho biết nơi đường ấy, Chẳng thấp thì cao ắt được dùng. (b.132)	
6.	chẳng... chẳng...	- Chẳng trách trời chẳng trách thân, Đi này vì bởi đạo giao lân. (HĐ, 80.1)		- Tuyết Bá Ngạn, hoa Đỗ Lăng chẳng câu chẳng lạ; Thiệp Lan Đình, tập xã Liên mọi khúc mọi màu. (Thập giới cô hồn, 5)
7.	đã...lại...			- Đã nên mỗ đáng thanh tân; Lại trọng thừa bề tương thức. (Thập giới cô hồn, 11)
8.	đã...thì...	- Đã sinh thì dưỡng mặc lòng trời (HĐ.NNCPT, b.13)		
9.	dầu...thì...	- Dầu thác thì còn tạc đến xương (HĐ.NNCPT, b.17)	- Lòng thế bạc đen dầu nó biến, Ta thìn nhân nghĩa chó loạn đàn. (Bảo kính 139.7) (Lão mai 215.8).	
10.	dầu ... dầu...		- Bốn biển nhẵn còn mong đức chuốt, Dầu về, dầu ở, mặc ta dầu. (Bảo kính 154.8).	
11.	dầu...vuồn...		- Ngấm hay mùi đạo cực chưng ngon, Nghìn kiếp dầu ăn vuồn hầy còn (QA, b.87)	
12.	dù...thì...			- Dù bể kia hay cạn, núi nọ hay bằng, thì công ấy Trẫm chẳng khá quên chừ tướng. (Lê Lợi 2)

13.	dù...dù...		- Dù bụi, dù tiên ai kẻ hỏi, Ông này đã có thú ông này. (Mạn thuật 28.7)	
14.	hay ...hay ...			Hay mưu hay địch; Có dùng có uy. (Thập giới cô hồn, 8)
15.	hoặc...hoặc...			- Hoặc có kẻ đánh nội đánh thành; Hoặc có kẻ đem binh đem sĩ. (Thập giới cô hồn, 8)
16.	hễ...thì/mà...			- Vì vậy Trẫm nguyên chư tướng, hoả thủ, thiết đột quân nhân đẳng; Hễ kẻ làm công thần ở cùng Trẫm mà được thiên hạ! (Lê Lợi 2)
17.	hoà...hoà...	- Khuôn cả treo lên khéo hữu tình, Hoà cao, hoà rạng vuồn hoà thanh. (HĐ, 15.2)	- Phú quý lòng hơn phú quý danh, Thân hoà tự tại, thú hoà thanh. (Tự thân 83.2).	
18.	hoà ... lại...		- Một thân hoà tốt lại sang, Phú quý âu chẳng kém hải đường (Hoa mẫu đơn 233.1).	
19.	khi... (thì/ mới)...	- Vật tiện tuy chưa toại sở cầu, Khi dùng đến mới biết rằng mầu. (HĐ, 237.2)		
20.	mọi...mọi...			- Khắp tiên phổ mọi cây mọi cỏ; Lầu Tự Trân nhiều nẻo nhiều phương. (Thập giới cô hồn, 7)
21.	một... một...	- Chẳng còn nhớ đến khúc “nghê thường”, Một phút chiêm bao một phút thương. (HĐ, 89.2)	- Nước càng tuôn đến bể càng cá, Đất một chồng thêm núi một cao. (Tự thuật 122.4)	
22.	nếu...thì...			- Nếu có binh nhân nghĩa thì hoà mục mới khá được hiệu lệnh cho tin. Chữ rằng: “pháp giả thiên hạ công cộng”. (Lê Lợi 2)
23.	tuy... le...	- Đồn rằng huyện Ngọc có Kênh Trâm, Tuy hẹp le vui hết mấy lăm. (HĐ, 166.2)		
24.	vì... cho (mà)...		- Vì ai cho cái đồ quyền kêu (QA, b.197)	
25.	vì...phải (thì)...		- Lo thay! vì lụy phải thờ ơ (QA, b. 108)	
26.	ví...thì...	- Ví có anh hùng duyên định mấy, Thì chi Đông Hán dám hung hăng (HĐ.NNCPT, b. 88)		

2.2. Cặp quan hệ từ trong tác phẩm thế kỷ XVI (Truyền kỳ mạn lục giải âm)

Bảng 2. Các cặp quan hệ từ tiêu biểu trong TKMLGÁ

TT	Cặp hư từ (một số cặp điển hình)	Câu dẫn
1.	càng... càng...	Nhưng tế đưa càng lắm thời lung lảng càng rông (26, tr.290)
2.	chẳng những... mà...	Nhà Hán giữ thiên hạ chẳng những ở chung rộng xa khôn phép mà ở chung đắt Khúc phụ đến tế... (26, tr.35)
3.	đã...lại...	Đã hiếp nước Ngụy lại giết nước Yên (26, tr.43)
4.	hoặc...hoặc...	Trong có ngàn dư người mũ hoa dài huệ hoặc ngời hoặc đing (26, tr.236)

5.	<i>tuy...mà...</i>	<i>Trong tuần ngày tuy chẳng thừa thấy mà của cải lại mất bằng thuở nợ vậy</i> (26, tr. 97)
6.	<i>tuy...song...</i>	<i>Tuy sen đỏ chẳng nhuộm bùn đen song thước mù dễ lòng nguyệt sáng</i> (26, tr. 166)
7.	<i>tuy...nhưng...</i>	<i>tuy còn ở đời nhưng tên đã chép chung chốn Đế Đình</i> (26, tr.234)
8.	<i>từ...đến...</i>	<i>Từ sông Trường Giang mặc đến bên Bắc thời ta giữ đây</i> (26, tr.429)
9.	<i>từ...nhẫn...</i>	<i>Từ xưa nhẫn lại, hễ kẻ nguy hiểm phải khôn</i> (26, tr. 406)
...	...	

2.3. Cặp quan hệ từ trong tác phẩm thế kỷ XVII (Thiên Nam ngữ lục)

Bảng 3. Các cặp quan hệ từ trong Thiên Nam ngữ lục

STT	Cặp hư từ	Câu dẫn	Tần số xuất hiện
1.	<i>bao nhiêu ... bấy nhiêu ...</i>	491. Ấm bao nhiêu, rét bấy nhiêu	1
2.	<i>càng...càng...</i>	4040. Càng năm càng lớn, càng ngày càng xa.	5
3.	<i>chẳng... chẳng...</i>	1422. Trên chẳng kính trời, dưới chẳng thương dân	56
4.	<i>chẳng...thì...</i>	2604. Trời cho chẳng lấy lại thì trách ai.	3
5.	<i>dẫu...thì...</i>	7267. Người dẫu còn có nghi lòng, 7268. Thì người theo tớ đi lên rừng này.	1
6.	<i>đã...đâu...</i>	3161. Như ai đã hẹn ai đâu	1
7.	<i>đã...lại...</i>	4342. Đã tối như mực lại mờ như đêm.	24
8.	<i>đã...thì...</i>	4314. Nhà đã vô phúc, Đỉnh thì gian ngoan.	1
9.	<i>hễ...thì...</i>	4583. Hễ ngày sóc vọng đến kỳ, 4584. Oán dăng cúng Phật nghĩ thì ăn sơ.	1
10.	<i>hoà...hoà...</i>	56. Huống nay thái tử hoà hiền hoà khôn.	10
11.	<i>hoà...lại...</i>	5827. Tiếc vua hoà lại tiếc đời	1
12.	<i>khi...thì...</i>	7990. Nước khi gặp loạn mình thì kể công.	7
13.	<i>một... một... (mỗi...mỗi...)</i>	Một...một...	5
14.	<i>một... một... (càng...càng...)</i>	4635. Trị vì được bốn năm rày, 4636. Tật nặng một ngày là một sinh ra.	2
15.	<i>nếu...thì...</i>	2622. Nếu làm thân thiết thì nên oán thù.	4
16.	<i>nhân...phải...</i>	1892. Nhân công sự phải mất ngôi về nhà.	2
17.	<i>Tự/ từ...đến...</i>	4894. Từ chợ đến thành như hội Tàn vương.	8
18.	<i>từ...nhẫn...</i>	2099. Từ Ngô cướp nước nhẫn nay	5
19.	<i>tuy...cũng...</i>	5109. Tuy chẳng một mẹ sinh ra, 5110. Người trong bốn bể cũng là anh em.	1
20.	<i>tuy...song...</i>	4417. Tuy rằng rách rưới lạc loài, 4418. Song bề nhan sắc kém ai chút nào.	4
21.	<i>vì...nên...</i>	2444. Vì dân quen thói nên đời Tề Lương.	2
22.	<i>vì...phải...</i>	7575. Trả công vì nước phải thương	3
23.	<i>ví...thời (thì)...</i>	4407. Ví thầy có lòng nga hôm 4408. Thời nằng chịu hoạ cho cam lòng thầy.	1

3. Nhận xét

Qua các bảng thống kê ở trên, chúng ta thấy được đặc điểm nổi bật của các cặp quan hệ từ được xuất hiện trong mỗi văn bản, cụ thể như sau:

Bảng 4. Đặc điểm các cặp quan hệ từ thế kỉ XV - XVII

Thế kỉ	Tác phẩm đại diện	Đặc điểm nổi bật
XV	<i>Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập</i>	Xuất hiện nhiều hư từ cổ (<i>le, vuồn, hoà, nhân</i>).
XVI	<i>Truyền kỳ mạn lục giải âm</i>	Giai đoạn chuyển tiếp, bắt đầu xuất hiện sự thay thế (<i>song</i> thay cho <i>le</i>).
XVII	<i>Thiên Nam ngữ lục</i>	Hệ thống phong phú, nhiều cặp từ cổ biến mất hoặc giảm tần số, xuất hiện nhiều cặp ổn định như hiện nay.

Điều này phản ánh quá trình ngữ pháp hoá và thay thế từ vựng trong tiếng Việt:

- Thế kỉ XV: Hệ thống cặp hư từ đã khá phong phú, đủ năng lực diễn đạt các quan hệ logic phức hợp trong thơ ca.

- Thế kỉ XVI - XVII: Xuất hiện sự cạnh tranh giữa các hư từ đồng nghĩa (như *nhân* với *đến*, *hoà* với *và/ vừa*).

- Hiện nay: Những hư từ đa nghĩa, cổ xưa bị chèn lấn và loại trừ, nhường chỗ cho những từ đơn nghĩa và hiện đại hơn, giúp hệ thống ngữ pháp trở nên chuyên biệt và rành mạch.

Từ đó, chúng ta đi vào phân tích một cách chi tiết hơn “diễn tiến” của các cặp hư từ trong các tác phẩm văn học chữ Nôm thời trung đại.

Dựa trên các nguồn tài liệu về hư từ tiếng Việt thế kỉ XV, XVI và XVII, sự diễn biến của các cặp quan hệ từ (cặp hư từ) có thể được phân tích theo ba hướng chính: nhóm cặp quan hệ từ cổ và bị thay thế, nhóm biến đổi thành tổ cấu tạo, và nhóm ổn định.

3.1. Nhóm cặp quan hệ từ cổ và bị thay thế

Đây là nhóm phản ánh rõ nhất “dấu ấn thời gian”. Những cặp từ này phổ biến ở thế kỉ XV nhưng suy yếu dần và biến mất hoặc thay đổi hoàn toàn về vỏ ngữ âm.

- Cặp *hoà... hoà...* (Biểu thị sự đồng thời):

+ Thế kỉ XV: Rất phổ biến. Ví dụ: *Hoà cao hoà sáng vuồn hoà thanh*.

+ Thế kỉ XVII: Vẫn còn xuất hiện (10 lần trong *Thiên Nam ngữ lục*), nhưng đang trên đà suy thoái.

+ Hiện nay: Đã mất hẳn, được thay thế hoàn toàn bằng *vừa... vừa...*

- Cặp *một... một...* (Biểu thị sự tăng tiến - nghĩa là *càng... càng...*):

+ Thế kỉ XV: Dùng song song với *càng... càng...*. Ví dụ: *Đất một chồng thêm núi một cao*

+ Thế kỉ XVII: Vẫn xuất hiện 5 lần với nghĩa tăng tiến. Ví dụ: *Tật nặng một ngày là một sinh ra*.

+ Hiện nay: Cấu trúc *một... một...* với nghĩa so sánh tăng tiến đã mất hẳn, chỉ còn tồn tại cặp *mỗi... mỗi...* (phân tách từng cá thể) hoặc bị *càng... càng...* thay thế hoàn toàn.

- Cặp *dầu... vuồn...* (Giả thiết - tương phản):

+ Thế kỉ XV: *Nghìn kiếp dầu ăn vuồn hầy còn*. Từ *vuồn* (vẫn) là đặc trưng của tiếng Việt cổ.

+ Thế kỉ XVII & nay: *Vuồn* biến mất, thay thế bằng *vẫn*. Cấu trúc trở thành *dầu/dẫu... vẫn...*

3.2. Nhóm hư từ đang tranh chấp và chuyển dịch

Đây là nhóm thể hiện sự “giằng co” giữa các từ đồng nghĩa, dẫn đến sự thay thế vị trí thống trị.

- Sự cạnh tranh trong cặp Tương phản: *le* với *song* với *nhưng*

+ Thế kỉ XV: Dùng *tuy... le....*. Ví dụ: *Tuy hẹp le vui hết mấy lăm. Le* (trong *song le*) là từ chính để chỉ sự tương phản.

+ Thế kỉ XVI: Bắt đầu xuất hiện *tuy... song....*. Ví dụ: *Tuy sen đỏ chẳng nhuộm bùn đen song...* Đồng thời cũng đã xuất hiện mầm mống của *tuy... nhưng....*

+ Thế kỉ XVII: *tuy... song...* chiếm ưu thế (4 lần), *le* gần như vắng bóng

+ Xu hướng: Thế kỉ XV dùng *le*, sang XVI-XVII chuyển sang *song*, và hiện đại dùng *nhưng* (từ *song* bị đẩy lùi về phong cách văn chương cổ).

Điều này cho thấy rằng, vào thế kỉ XV và XVII, có thể có sự tồn tại song song hoặc biến thể của thành tố thứ hai trong cặp quan hệ từ tương phản *tuy... (le hoặc song)*, và sau đó cả hai dạng này đều được thay thế bởi *nhưng* trong tiếng Việt hiện đại để tạo thành cặp *tuy... nhưng...* phổ biến. Báo cáo thế kỉ XV chỉ ghi nhận *le* trong các văn bản khảo sát của thế kỉ đó, trong khi báo cáo thế kỉ XVII ghi nhận *song*, mặc dù cả hai đều biểu thị quan hệ tương phản.

- Sự cạnh tranh trong cặp Giới hạn phạm vi: *nhẫn* với *đến*

+ Thế kỉ XV: *nhẫn* (nghĩa là *đến/ tới*) hoạt động mạnh.

+ Thế kỉ XVI: Xuất hiện sự cạnh tranh gay gắt. Có cả *từ... đến...* và *từ... nhẫn....*

+ Thế kỉ XVII: Vẫn tồn tại song song *từ... đến...* (8 lần) đã bắt đầu lấn lướt *Từ... nhẫn...* (5 lần).

+ Hiện nay: *nhẫn* với tư cách là hư từ chỉ đích đến đã hoàn toàn bị *đến* loại bỏ

Điều này cho thấy cặp *từ... nhẫn...* có thể tồn tại cả trong thế kỉ XV và XVII, nhưng thống kê thế kỉ XVII mới chỉ ra rõ ràng xu thế thay thế hoàn toàn của nó bằng *từ... đến...* trong giai đoạn sau này.

3.3. Nhóm hư từ ổn định

Một số lượng lớn các cặp quan hệ từ đã định hình từ thế kỉ XV và duy trì cho đến nay mà không thay đổi về mặt ý nghĩa hay chức năng.

- Quan hệ giả thiết - kết quả: *nếu... thì..., dầu... thì..., hễ... thì..., ví... thì...*
- Quan hệ nguyên nhân - kết quả: *vì... nên..., vì... phải..., nhân... phải...*
- Quan hệ tăng tiến: *bao nhiêu... bấy nhiêu..., càng... càng..., đã... lại...*
- Quan hệ tương phản/đối lập: *tuy... cũng..., dầu... dầu...*

Qua những phân tích ở trên, chúng ta thấy được phần nào sự biến đổi đa dạng và phức tạp của từ vựng tiếng Việt nói chung cũng như các cặp hư từ tiếng Việt nói riêng. Nó góp phần làm rõ hơn quá trình hình thành, diễn biến, phát triển của các cặp hư từ trong hệ thống từ công cụ ngữ pháp từ thế kỉ XV đến nay. Điều này được hiện thực hoá phần nào qua bảng dưới đây:

Bảng 5. Quá trình biến đổi các cặp quan hệ từ thế kỉ XV - XVII

Cặp quan hệ từ	Thế kỉ XV (Trạng thái)	Thế kỉ XVI (Trạng thái)	Thế kỉ XVII (Trạng thái)	Xu hướng biến đổi
<i>Tuy... le...</i>	Có xuất hiện	Không ghi nhận	Biến mất	Bị thay thế bởi <i>Song/Nhưng</i>
<i>Tuy... song...</i>	Ít/Chưa phổ biến	Xuất hiện	4 lần	<i>Song</i> thay thế cho <i>Le</i>
<i>Hoà... hoà...</i>	Phổ biến	Không ghi nhận	10 lần	Giảm dần → Mất hẳn (<i>vừa...vừa...</i>)
<i>Từ... nhẫn...</i>	Phổ biến	Có xuất hiện	5 lần	Đang bị <i>Từ... đến...</i> cạnh tranh mạnh
<i>Từ... đến...</i>	Ít hơn	Có xuất hiện	8 lần	Thắng thế <i>Từ... nhẫn...</i>
<i>Càng...càng...</i>	Phổ biến	Có xuất hiện	4 lần	Ổn định tuyệt đối

Từ đó, chúng ta có thể đi đến một số nhận xét cơ bản như sau:

- Sự đơn giản hoá và chuẩn hoá: Tiếng Việt đi từ chỗ có nhiều biến thể song song và từ cổ gốc Hán hoặc Nôm cổ (như *nhẫn, le, hoà*) ở thế kỉ XV, dần dần sàng lọc qua thế kỉ XVI, và đến thế kỉ XVII thì các cặp từ mang tính “hiện đại” như *đến, song, lại* đã chiếm ưu thế.

- Sự phân bố lại chức năng (Functional Redistribution):

+ Ở thế kỉ XV, *hoà* vừa là liên từ, vừa là phó từ. Sang thế kỉ XVII, chức năng của nó bị chia nhỏ: chức năng liên kết chuyển sang *và*, chức năng đồng thời chuyển sang *vừa*.

+ *Một... một...* ở thế kỉ XV-XVII mang nghĩa *càng... càng....* Sau này nó mất nghĩa đó, chỉ còn nghĩa đếm/phân tách, nhường ý nghĩa tăng tiến cho *càng... càng....*

- Vai trò của văn học: Các tác phẩm như *Quốc âm thi tập, Truyền kì mạn lục giải âm, Thiên Nam ngữ lục* đã lưu giữ các “hoá thạch” ngôn ngữ (*hoà, le*), nhưng sự biến mất của chúng trong lời nói thường ngày (phản ánh qua việc giảm tần suất trong các văn bản đời sau) cho thấy quy luật đào thải khắc nghiệt của ngôn ngữ: những từ mơ hồ, đa nghĩa (như *hoà, nhẫn*) thường bị thay thế bởi những từ rõ nghĩa hơn (*vừa, đến*).

4. Kết luận

Tựu trung lại, chúng tôi đã cố gắng cung cấp, phân tích phần nào hệ thống cặp hư từ/quan hệ từ (dựa trên những nguồn tư liệu xác tín) trong các thời kì lịch sử quan trọng của tiếng Việt. Chúng cho thấy quá trình ổn định, biến đổi và thay thế của một số cặp từ công cụ, góp phần làm rõ lịch sử ngữ pháp tiếng Việt và sự phát triển của ngôn ngữ văn học chữ Nôm. Việc nghiên cứu các văn bản xuyên suốt ba thế kỉ giúp chúng ta thấy rõ hơn quá trình vận động, biến đổi và thay thế của các cặp quan hệ từ trong lịch sử tiếng Việt. Đó là những trường hợp cụ thể như sự thay thế của *hoà...hoà...., một...một...(tăng tiến), từ...nhẫn*, cũng như sự biến đổi thành tố trong các cặp *tuy...le/song...* và *hoà...lại....*,... Những sự khác biệt trong việc ghi nhận các cặp đã biến đổi/mất đi giữa các văn bản có thể phản ánh sự khác biệt của ngôn ngữ trong các văn bản được khảo sát hoặc sự khác biệt trong tốc độ biến đổi của các cặp từ ở từng thời kì lịch sử nhất định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban. (2005). *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Tài Cẩn. (2004). *Ngữ pháp tiếng Việt (tiếng - từ ghép - đoản ngữ)* (in lần thứ 7). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Đinh Văn Đức. (2001). *Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)* (in lại, có bổ sung). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Vũ Đức Nghiệu. (2006). *Hư từ tiếng Việt thế kỉ XV trong Quốc âm thi tập và Hồng Đức quốc âm thi tập. Ngôn ngữ*, (12), 1 -14.
5. Vũ Đức Nghiệu. (2011). *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
6. Hoàng Trọng Phiến. (2003). *Cách dùng hư từ tiếng Việt hiện đại*. NXB Nghệ An.
7. Stankevich, N. V. (2006). *Vài nhận xét về các hư từ tiếng Việt thế kỉ XVI (tư liệu rút từ Truyền kì mạn lục giải âm)*. Tạp chí Ngôn ngữ, (9), 1 -9.
8. Đỗ Thanh. (1998). *Từ điển từ công cụ tiếng Việt*. NXB Giáo dục.